

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên dự án/dự toán mua sắm: Mua sắm sữa thực hiện chế độ bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật của Bệnh viện đa khoa Đồng Nai.

- Tên gói thầu: Mua sắm sữa thực hiện chế độ bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật của Bệnh viện đa khoa Đồng Nai.

- Tên chủ đầu tư: Bệnh viện đa khoa Đồng Nai.

- Nguồn kinh phí: Nguồn dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh.

- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 60 ngày.

- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý I/2026.

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh (qua mạng), lựa chọn nhà thầu trong nước.

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ.

- Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

- Thời gian thực hiện gói thầu: 365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

- Địa điểm thực hiện: Bệnh viện đa khoa Đồng Nai.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung:

- Hàng hóa đảm bảo đúng chủng loại, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, hợp pháp; đảm bảo chất lượng mới 100%, còn nguyên lóc, nguyên thùng, chưa qua sử dụng, sản xuất năm 2025 trở về sau và còn hạn sử dụng tối thiểu 04 tháng kể từ ngày giao hàng.

- Cam kết cung cấp chứng nhận xuất xứ và chất lượng của nhà sản xuất (CO, CQ) đối với hàng nhập khẩu hoặc cam kết cung cấp phiếu xuất xưởng và chứng nhận chất lượng hàng hóa của nhà sản xuất đối với hàng hóa trong nước.

- Cam kết đảm bảo có mặt trong vòng **48h** kể từ lúc chủ đầu tư yêu cầu để thực hiện nghĩa vụ (kiểm tra, thu hồi, đổi sản phẩm, ...) (nếu có).

- Các chỉ tiêu chuẩn kỹ thuật thiết bị trong E-HSMT nêu ra là yêu cầu tối thiểu, nhà thầu có thể chào thiết bị có chỉ tiêu kỹ thuật tương đương hoặc cao hơn và chứng minh bằng tài liệu cụ thể.

b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể:

Yêu cầu nhà thầu tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa và các dịch vụ liên quan chứng minh hàng hóa do nhà thầu chào tuân thủ các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn dưới đây. **Bất kỳ thương hiệu, nhãn hiệu nào nếu có trong bảng yêu cầu kỹ thuật đều mang tính chất minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu.** Nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có thông số kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ “**tương đương**” hoặc tốt hơn so với các yêu cầu cụ thể ở dưới và cung cấp tài liệu chứng minh sự đáp ứng tốt hơn của hàng hóa chào thầu so với yêu cầu của E-HSMT.

Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ liên quan. Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

Stt	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Đvt	Số lượng
1	Sữa tươi tiệt trùng có đường	<ul style="list-style-type: none"> - Dung tích: 180ml/hộp - Quy cách: 4 hộp/lốc, 12 lốc/thùng - Thành phần: Sữa bò tươi (96%), đường (3,8%), chất ổn định (471, 407). Có chứa sữa - Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu (giá trị dinh dưỡng) trung bình trong 100ml: <ul style="list-style-type: none"> + Năng lượng: 82 kcal + Chất đạm: 3,28g + Chất béo: 3,88g + Cacbonhydrat: 8,0g + Vitamin A: 89,5 IU + Vitamin B1: 18 µg + Vitamin B2: 130 µg + Vitamin B6: 17,3µg + Biotin: 4,5 µg 	Hộp	426.390

Stt	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Đvt	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> + Canxi: 110 mg + Phốt pho: 95 mg + Magiê: 8,0 mg + Kẽm: 320 µg + Iốt: 10 µg - Hàm lượng các chất không thấp hơn 80% giá trị ghi nhãn - Các chỉ tiêu dư lượng thuốc thú y và dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: phù hợp với QCVN 5-1: 2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm sữa dạng lỏng 		
2	Creamer đặc sữa pha chế	<ul style="list-style-type: none"> - Dung tích: 380 gam/lon - Quy cách đóng gói: 48 lon/thùng - Thành phần: Đường tinh luyện (47%), nước, chất béo thực vật, sữa bột (7%), whey bột, lactoza, chất ổn định và nhũ hoá (322(i), 460(i), 401, 466). Có chứa sữa, lecithin đậu nành - Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu (giá trị dinh dưỡng) trung bình trong 100g: <ul style="list-style-type: none"> + Năng lượng: 337 kcal + Chất đạm: 2,7g + Chất béo: 10,9g + Cacbonhydrat: 57g + Đường tổng số: 57g + Natri: 65mg - Hàm lượng các chất không thấp hơn 80% giá trị ghi nhãn - Các chỉ tiêu dư lượng thuốc thú y và dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: phù hợp với QCVN 5-1:2010/BYT 	Lon	170.401

Stt	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Đvt	Số lượng
		Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm sữa dạng lỏng - Sản phẩm đựng trong lon tráng thiếc 380g chuyên dụng, ghép kín, đảm bảo yêu cầu an toàn vệ sinh thực phẩm theo QCVN 12-1: 2010/BYT		

1.3. Các yêu cầu khác:

Sản phẩm phải đảm bảo Các chỉ tiêu dư lượng thuốc thú y và dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: phù hợp với QCVN 5-1: 2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm sữa dạng lỏng (Nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh).

Mục 2. Bản vẽ: Không có

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hoá được cung cấp để đảm bảo hàng hoá đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của của E-HSMT. Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thu hồi và thay thế bằng hàng hóa khác để đáp ứng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Chủ đầu tư có quyền ngưng thực hiện hợp đồng và tổ chức việc thay thế nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu.